

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 57/NQ-CP NGÀY 15 THÁNG 12 NĂM 2010

*Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3, Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 như sau:*

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 07/2005/QĐ-BNN ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lợn đực giống.

1. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 12.

Môi trường mới để pha loãng, bảo tồn tinh dịch lợn đực sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu lần đầu chỉ được đưa vào sử dụng và lưu thông trên thị trường sau khi đã được khảo nghiệm và có quyết định của Cục trưởng Cục Chăn nuôi cho phép ứng dụng trong sản xuất trên cơ sở kết quả nghiệm thu, đánh giá của Hội đồng khoa học do Cục thành lập. Phí khảo nghiệm do tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm.

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu môi trường pha loãng, bảo tồn tinh dịch lợn đực khảo nghiệm phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký nhập khẩu về Cục Chăn nuôi. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Các thông tin về các chỉ tiêu kỹ thuật của môi trường pha loãng, bảo tồn tinh. Hồ sơ là bản gốc kèm theo bản dịch ra tiếng Việt của cơ quan dịch thuật;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ”.

2. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 13

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu tinh lợn giống phải làm hồ sơ đăng ký nhập khẩu gửi về Cục Chăn nuôi. Đối với tinh lợn giống chưa có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam chỉ được đưa vào sử dụng và lưu thông trên thị trường (Việt Nam) sau khi đã được khảo nghiệm và có quyết định của Cục trưởng Cục Chăn nuôi cho phép ứng dụng trong sản xuất trên cơ sở kết quả nghiệm thu, đánh giá của Hội đồng khoa học do Cục Chăn nuôi thành lập. Phí khảo nghiệm do tổ chức, cá nhân nhập khẩu chịu trách nhiệm. Hồ sơ đăng ký nhập khẩu bao gồm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Hồ sơ lý lịch giống của tinh có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Hồ sơ là bản gốc kèm theo bản dịch ra tiếng Việt của cơ quan dịch thuật;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Quyết định số 66/2005/QĐ-BNN ngày 31 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý và sử dụng bò đực giống

Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 12

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu bò đực giống có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh; tinh bò giống; môi trường pha loãng, bảo tồn tinh bò phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký nhập khẩu về Cục Chăn nuôi. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp nhập khẩu môi trường pha loãng, bảo tồn tinh; Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này đối với trường hợp nhập khẩu tinh);

b) Các thông tin về các chỉ tiêu kỹ thuật của môi trường pha loãng, bảo tồn tinh (đối với trường hợp nhập khẩu môi trường pha loãng, bảo tồn tinh) hoặc hồ sơ lý lịch giống của tinh có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu (đối với trường hợp nhập khẩu tinh). Hồ sơ là bản gốc kèm theo bản dịch ra tiếng Việt của cơ quan dịch thuật;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 13/2007/QĐ-BNN ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý và sử dụng trâu đực giống.

1. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 11

Môi trường mới để pha loãng, bảo tồn tinh trâu đực sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu lần đầu chỉ được đưa vào sử dụng và lưu thông trên thị trường sau khi đã được khảo nghiệm và có quyết định của Cục trưởng Cục Chăn nuôi cho phép ứng dụng trong sản xuất trên cơ sở kết quả nghiệm thu, đánh giá của Hội đồng khoa học do Cục thành lập. Phí khảo nghiệm do tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu chịu trách nhiệm.

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu môi trường pha loãng, bảo tồn tinh trâu để khảo nghiệm phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký nhập khẩu về Cục Chăn nuôi. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Các thông tin về các chỉ tiêu kỹ thuật của môi trường pha loãng, bảo tồn tinh. Hồ sơ là bản gốc kèm theo bản dịch ra tiếng Việt của cơ quan dịch thuật;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ”.

2. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 12.

Tổ chức, cá nhân xuất/nhập khẩu trâu đực giống có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh; tinh trâu đực giống phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký xuất/nhập khẩu về Cục Chăn nuôi. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Hồ sơ lý lịch giống của tinh có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Hồ sơ là bản gốc kèm theo bản dịch ra tiếng Việt của cơ quan dịch thuật;

c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 108/2007/QĐ-BNN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý và sử dụng dê đực giống.

1. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 10.

Môi trường mới dễ pha loãng, bảo tồn tinh dê được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu lần đầu chỉ được đưa vào sử dụng và lưu thông trên thị trường sau khi đã được khảo nghiệm và có quyết định của Cục trưởng Cục Chăn nuôi cho phép ứng dụng trong sản xuất trên cơ sở kết quả nghiệm thu, đánh giá của Hội đồng khoa học do Cục thành lập. Phí khảo nghiệm do tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu chịu trách nhiệm.

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu môi trường pha loãng, bảo tồn tinh dê để khảo nghiệm phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký nhập khẩu về Cục Chăn nuôi. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đăng ký nhập khẩu (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này);
- b) Các thông tin về các chỉ tiêu kỹ thuật của môi trường pha loãng, bảo tồn tinh. Hồ sơ là bản gốc kèm theo bản dịch ra tiếng Việt của cơ quan dịch thuật;
- c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ”.

2. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11.

Tổ chức, cá nhân xuất/nhập khẩu dê đực giống có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh, tinh dê đực giống phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký xuất/nhập khẩu về Cục Chăn nuôi. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đăng ký nhập khẩu (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này);
- b) Hồ sơ lý lịch giống của tinh có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu. Hồ sơ là bản gốc kèm theo bản dịch ra tiếng Việt của cơ quan dịch thuật;
- c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với đơn vị thuộc diện phải đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) có xác nhận của tổ chức đăng ký nhập khẩu đối với trường hợp đăng ký nhập khẩu lần đầu.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Quyết định số 43/2006/QĐ-BNN ngày 01 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về trao đổi quốc tế nguồn gen vật nuôi quý hiếm

Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu trao đổi quốc tế nguồn gen vật nuôi quý hiếm phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký trao đổi quốc tế nguồn gen vật nuôi quý hiếm gửi về Cục Chăn nuôi. Cục Chăn nuôi có trách nhiệm trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét cho phép trao đổi nguồn gen vật nuôi quý hiếm. Hồ sơ bao gồm:

- a) Đơn đăng ký xuất, nhập khẩu nguồn gen vật nuôi quý hiếm (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này);
- b) Lý lịch nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần trao đổi quốc tế (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này);
- c) Các văn bản có liên quan đến xuất khẩu hoặc nhập khẩu nguồn gen vật nuôi quý hiếm (Dự án hợp tác nghiên cứu, Hợp đồng nghiên cứu).

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Cục Chăn nuôi nhận được hồ sơ hợp lệ”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 92/2007/TT-BNN ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 1405/QĐ-TTg ngày 16/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện áp trứng gia cầm và chăn nuôi thủy cầm.

1. Bổ sung khoản 3b như sau:

“3b. Thủ tục cấp sổ nuôi vịt chạy đồng.

Cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi vịt chạy đồng phải gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp Sổ đăng ký chăn nuôi vịt chạy đồng về Ủy ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ bao gồm:

Hồ sơ phải nộp: Đơn đăng ký cấp Sổ đăng ký chăn nuôi vịt chạy đồng (Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này).

Hồ sơ xuất trình: Chứng minh thư nhân dân hoặc Sổ hộ khẩu gia đình.

Thời gian giải quyết hồ sơ: trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đơn đăng ký của cá nhân, hộ gia đình”.

2. Điểm a khoản 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4.

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Quyết định số 1405/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện áp trứng gia cầm và chăn nuôi thủy cầm và Thông tư này.

- Phối hợp với ngành thông tin truyền thông và các tổ chức quần chúng tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 1405/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư này đến các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến áp trứng gia cầm và chăn nuôi thủy cầm.

- In ấn Sổ đăng ký chăn nuôi vịt chạy đồng, giao cho Ủy ban nhân dân xã để cấp phát đến tận các hộ chăn nuôi vịt chạy đồng.

- Kiểm tra, đôn đốc các huyện, xã thực hiện quản lý, giám sát tốt các cơ sở áp trứng gia cầm và chăn nuôi thủy cầm trên địa bàn.

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất các cơ sở áp trứng gia cầm và chăn nuôi thủy cầm. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm, cố tình không chấp hành các quy định của Thông tư này.

- Đối với các địa phương đã có quy hoạch khu chăn nuôi và áp trứng gia cầm thì xây dựng kế hoạch di dời các cơ sở áp trứng không đủ điều kiện đến địa điểm đã được quy hoạch. Đối với các địa phương chưa làm xong công tác quy hoạch phải khẩn trương xây dựng quy hoạch khu chăn nuôi và áp trứng gia cầm đảm bảo an toàn sinh học”.

Điều 7. Thủ tục cấp chứng chỉ người lấy mẫu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

Cá nhân muốn được cấp chứng chỉ là người lấy mẫu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi phải tham dự lớp tập huấn về lấy mẫu thức ăn chăn nuôi do Cục Chăn nuôi tổ chức.

Trong thời gian không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày cá nhân được tập huấn về việc lấy mẫu, Cục Chăn nuôi sẽ cấp chứng chỉ người lấy mẫu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho cá nhân đó.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 121/2008/QĐ-BNN ngày 17 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành “Quy chế chứng nhận cơ sở thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) cho bò sữa, lợn, gia cầm và ong”

1. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 12. Điều kiện đối với Tổ chức chứng nhận

1. Là cơ quan nhà nước; tổ chức của Việt Nam; tổ chức nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Có đủ các điều kiện để tham gia hoạt động chứng nhận VietGAHP trong chăn nuôi theo quy định của Cục Chăn nuôi:

a) Có tư cách pháp nhân, đăng ký kinh doanh, trong đó xác định rõ nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá, chứng nhận VietGAHP.

b) Có nhân viên đánh giá đạt trình độ đại học trở lên về chuyên ngành chăn nuôi, thú y và có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực chứng nhận từ ba năm trở lên; có chứng chỉ đào tạo VietGAHP trong chăn nuôi bò sữa, lợn, gia cầm và ong do Cục Chăn nuôi cấp.

c) Có quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, kiểm tra, cấp, gia hạn, cảnh cáo, đình chỉ và thu hồi Giấy chứng nhận VietGAHP cho sản phẩm cụ thể mà Tổ chức thực hiện chứng nhận theo quy định của Quy chế chứng nhận cơ sở thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) cho bò sữa, lợn, gia cầm và ong ban hành kèm theo Quyết định số 121/2008/QĐ-BNN ngày 17 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành “Quy chế chứng nhận cơ sở thực hiện quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) cho bò sữa, lợn, gia cầm và ong.

Các tổ chức được chứng nhận đạt tiêu chuẩn TCVN 7457-2004 hoặc ISO/IEC Guide 65: 1996 được ưu tiên xem xét chỉ định là Tổ chức chứng nhận VietGAHP trong chăn nuôi bò sữa, lợn, gia cầm và ong”.

2. Khoản 2 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 13.

2. Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này gửi Hồ sơ đăng ký để được đánh giá, chỉ định là Tổ chức chứng nhận về Cơ quan chỉ định. Hồ sơ bao gồm:

- a) Giấy đăng ký hoạt động chứng nhận VietGAHP theo mẫu tại Phụ lục 8 của Quy chế này;
- b) Bản sao chụp mang theo bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc bản sao chứng thực trong trường hợp nộp qua đường bưu điện đối với Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;
- c) Các tài liệu chứng minh hệ thống quản lý và năng lực hoạt động chứng nhận phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 12 Quy chế này;
- d) Mẫu Giấy chứng nhận VietGAHP”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn việc quy định giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sửa đổi thẩm quyền quản lý CFS sản phẩm hàng hóa xuất khẩu đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi quy định tại điểm 2 Mục I và điểm 3,4,7 Mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Điều 10. Bãi bỏ các quy định sau:

1. Điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 19 Quyết định số 07/2005/QĐ-BNN ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng lợn đực giống.
2. Điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 23 Quyết định số 66/2005/QĐ-BNN ngày 31 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý và sử dụng bò đực giống.
3. Điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 22 Quyết định số 13/2007/QĐ-BNN ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý và sử dụng trâu đực giống.
4. Điểm a khoản 2 Điều 19 Quyết định số 108/2007/QĐ-BNN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý và sử dụng dê đực giống.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.
2. Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công báo và Website CP;
- Lưu: VT, CN.

Cao Đức Phát